

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ- ST

Ngày 16 - 4 - 2019

“V/v: tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Chị Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại và ông Lê Thúc Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST – HNGĐ ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị B, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 11, phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 10 năm 2018, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Dương Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Hùng C đăng ký kết hôn ngày 03/6/2011 tại UBND phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, trên cơ sở hoàn tự nguyện, tự do tìm hiểu có cưới hỏi. Sau khi kết hôn chị có về nhà anh C làm dâu ngay, sống chung cùng gia đình anh C được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C bị nghiện ma túy, thường xuyên đi chơi bời cờ bạc không quan tâm

đến gia đình. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 01 năm 2012 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau đã hơn 07 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị B xác nhận vợ chồng không có con chung

Về quan hệ tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hùng C vắng mặt tại phiên tòa, tại Biên bản lấy lời khai anh C trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng như chị B trình bày là đúng, chị B về làm dâu chung sống cùng gia đình anh được 06 tháng thì vợ chồng cãi nhau. Chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn N, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Trong quá trình chị B sống ở nhà bố mẹ đẻ, anh đã đến đón chị B nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị B không về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị B xin ly hôn anh nhất trí. Tòa án đã tiến hành hòa giải quan hệ tình cảm giữa chị B và anh C, nhưng anh C không hợp tác bỏ về không ký biên bản và các lần sau anh C không đến Tòa án làm việc tiếp.

Về con chung: Anh C xác nhận vợ chồng không có con chung

Về quan hệ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải quan hệ tình cảm giữa chị B và anh C, nhưng anh C không hợp tác bỏ về không ký biên bản và các lần sau anh C đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù anh C đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và các thông báo hòa giải, anh C chỉ đến một lần sau đó không đến.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Cho chị Dương Thị B được ly hôn Nguyễn Hùng C.
2. Về con chung: Anh C, chị B xác nhận vợ chồng không có con chung.
3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 20 tháng 10 năm 2018 chị Dương Thị B có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 11, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của chị Dương Thị B với anh Nguyễn Hùng C. Hội đồng xét xử thấy: Chị B và anh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 03/6/2011 tại UBND phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong vụ án này chị B và anh C đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, sau khi cưới được 06 tháng thì chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã hơn 07 năm, đến nay vẫn không thể hàn gắn được chuyện tình cảm vợ chồng. Tòa án đã báo gọi anh C nhiều lần đến để hòa giải, nhưng anh C chỉ đến 01 lần sau đó bỏ về không ký biên bản. Nay chị B xin ly hôn anh C cũng đồng ý, từ đó cho thấy anh C thực sự không quan tâm đến tâm tư tình cảm của chị B, tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa chị B vẫn xin ly hôn, nên cần chấp nhận cho chị B ly hôn anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị B và anh C không có con chung

Về quan hệ tài sản: Các đương sự không đề nghị, nên giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho chị Dương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Hùng C.
2. Về con chung: Chị B và anh C không có con chung
3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.
4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Dương Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đó nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0004245 ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị B đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án thành phố Phúc Yên;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm biên - Chủ tọa phiên tòa

LƯU THỊ THÚY